



**PHÂN TÍCH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỐ 07/2022/QH15**





PHÂN TÍCH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ, SỐ 07/2022/QH15

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 (sau đây gọi là Luật) được thông qua ngày 16/6/2022. Với hơn 100 điều được sửa đổi, bổ sung, Luật đã điều chỉnh toàn diện nhiều nội dung liên quan đến quyền tác giả, đăng ký nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp... Dưới đây là phân tích của LuatVietnam về những quy định mới đáng chú ý của Luật này.

***Ghi chú:** Cụm từ "quy định trước đây" hay "trước đây" được nêu trong bản phân tích này được hiểu là các quy định tại [Luật Sở hữu trí tuệ 2005](#), sửa đổi, bổ sung năm 2009.

QUY ĐỊNH TẠI LUẬT SỐ 07/2022/QH15	ĐIỂM MỚI SO VỚI QUY ĐỊNH TRƯỚC ĐÂY
1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	
<p>1.1 Tiền bản quyền</p> <p>Là khoản tiền trả cho việc sáng tạo hoặc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm cả tiền nhuận bút, tiền thù lao</p>	Không quy định
<p>1.2 Sáng chế mật</p> <p>Sáng chế mật là sáng chế được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định là bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước</p>	Không quy định
<p>1.3 Nhãn hiệu nổi tiếng</p> <p>Là nhãn hiệu được bộ phận công chúng có liên quan biết đến rộng rãi trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Trước đây, nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được <i>người tiêu dùng</i> biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam
<p>1.4 Chỉ dẫn địa lý</p> <p>Là dấu hiệu dùng để chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia cụ thể.</p>	Trước đây, chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ <i>sản phẩm</i> có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. Luật này giải thích từ này dùng để chỉ "nguồn gốc của sản phẩm" đúng hơn với ngữ nghĩa của từ.

<p>1.5 Chỉ dẫn địa lý đồng âm</p> <p>Là các chỉ dẫn địa lý có cách phát âm hoặc cách viết trùng nhau</p>	<p>Không quy định</p>
<p>Và nhiều từ ngữ khác được sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới tại Luật này. Vui lòng xem chi tiết tại khoản 1 Điều 1 của Luật.</p>	
<p>2. TÁC GIẢ, ĐỒNG TÁC GIẢ</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm. - Đồng tác giả là những người cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh. - Người hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo tác phẩm không phải là tác giả, đồng tác giả. - Việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả phải có sự thỏa thuận của các đồng tác giả, trừ trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác hoặc luật khác có quy định khác. 	<p>Không quy định</p>
<p>3. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ</p>	
<p>3.1 Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm</p>	<p>So với trước đây, đã bổ sung yêu cầu phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.</p>
<p>3.1.1 Tự sao chép một bản để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp sao chép bằng thiết bị sao chép</p>	<p>Bổ sung thêm trường hợp tự sao chép một bản để học tập.</p> <p>Chỉ rõ không áp dụng với trường hợp sao chép bằng thiết bị.</p>
<p>3.1.2 Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại</p>	<p>Quy định mới</p>

<p>3.1.2 Sử dụng hợp lý tác phẩm để minh họa trong bài giảng, ấn phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục đích giảng dạy.</p> <p>Việc sử dụng này có thể bao gồm việc cung cấp trong mạng máy tính nội bộ với điều kiện phải có các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm chỉ người học và người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận tác phẩm này</p>	<p>Quy định mới</p>
<p>3.1.3 Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng cá nhân, không nhằm mục đích thương mại</p>	<p>Trước đây, chỉ quy định trường hợp này là nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.</p> <p>Luật đã quy định cụ thể chỉ khi sử dụng cá nhân và không nhằm mục đích thương mại mới được coi là không xâm phạm quyền tác giả</p>
<p>3.2.3 Chụp ảnh, ghi âm, ghi hình, phát sóng sự kiện nhằm mục đích đưa tin thời sự, trong đó có sử dụng tác phẩm được nghe thấy, nhìn thấy trong sự kiện đó</p>	<p>Không quy định</p>
<p><i>Và nhiều trường hợp khác được sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới tại Luật này. Vui lòng xem chi tiết tại khoản 7 Điều 1 của Luật.</i></p>	
<p>3.2 Toàn bộ các trường hợp sao chép nêu trên không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm mỹ thuật, chương trình máy tính; việc làm tuyển tập, hợp tuyển các tác phẩm.</p>	<p>Trước đây chỉ loại trừ trường hợp tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân và sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.</p>
<p>4. GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ</p>	
<p>4.1 Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền, phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm</p>	<p>So với trước đây, đã bổ sung yêu cầu phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.</p>
<p>4.1.1 Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố, tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc</p>	<p>Đã bổ sung thêm trường hợp sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng</p>

<p>thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả kể từ khi sử dụng.</p> <p>Mức tiền bản quyền và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố, tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ</p>	<p>có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền...</p>
<p>4.1.2 Trường hợp tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại thì tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình này trong hoạt động kinh doanh, thương mại không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm đó theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p>	<p>Trước đây không quy định</p>
<p><i>Xem chi tiết quy định về giới hạn quyền tác giả tại khoản 7 Điều 1 của Luật</i></p>	
<p>5. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN CHIA TIỀN BẢN QUYỀN</p>	
<p>5.1 Các đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan thỏa thuận về tỷ lệ phân chia tiền bản quyền theo phần tham gia sáng tạo đối với toàn bộ tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, phần vốn góp và phù hợp với hình thức khai thác, sử dụng.</p> <p>5.2 Tỷ lệ phân chia tiền bản quyền thực hiện theo thỏa thuận của chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình đó; không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy</p>	<p>Trước đây không có quy định về vấn đề này. Luật đề ra nguyên tắc xác định và phân chia tiền bản quyền nhưng hoàn toàn tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan. Do đó, đây chỉ là những nguyên tắc mang tính chất hướng dẫn chung.</p>

<p>định của Chính phủ.</p> <p><i>(Đây là trường hợp phân chia tiền bản quyền khi bản ghi âm, ghi hình được phát sóng trong chương trình có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền hoặc trong các hoạt động kinh doanh, thương mại).</i></p> <p>5.3 Tiền bản quyền được xác định theo khung và biểu mức căn cứ vào loại hình, hình thức, chất lượng, số lượng hoặc tần suất khai thác, sử dụng; hài hòa lợi ích của người sáng tạo, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo thời gian và địa điểm diễn ra hành vi khai thác, sử dụng đó.</p>	
<p>6. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN CHIA TIỀN BẢN QUYỀN</p>	
<p>6.1 Tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt có đầy đủ thông tin về người nộp hồ sơ, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc chủ sở hữu quyền liên quan; thời gian hoàn thành; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; thông tin về cấp lại, cấp đổi (nếu có), cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong tờ khai. Tờ khai do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.</p> <p>Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan</p>	<p>So với quy định trước đây, Luật đã:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu Tờ khai phải có thêm thông tin về thời gian hoàn thành tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng • Có thêm thông tin về cấp lại, cấp đổi (nếu có) đối với các giấy tờ ghi trong Tờ khai • Bổ sung quy định tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể điểm chỉ thay cho ký tên, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.
<p>6.2 Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền do tự sáng tạo hoặc do giao nhiệm vụ sáng tạo, giao kết hợp đồng sáng tạo, được thừa kế, được chuyển giao quyền;</p>	<p>Trước đây, tài liệu này chỉ được quy định chung là các tài liệu chứng minh quyền nộp đơn, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác do được thừa kế, chuyển giao, kế thừa</p>
<p><i>Một số loại giấy tờ khác trong Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan về cơ bản vẫn được giữ nguyên</i></p>	

như trước đây. Xem chi tiết tại khoản 14 Điều 1 của Luật.

7. HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN

Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan theo cách thức trực tiếp, **qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan**

Bổ sung hình thức nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

8. TÍNH MỚI CỦA SÁNG CHẾ

Sáng chế được coi là có tính mới nếu không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc trước ngày ưu tiên trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được hưởng quyền ưu tiên;

b) Bị bộc lộ trong đơn đăng ký sáng chế khác có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn nhưng được công bố vào hoặc sau ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế đó.

Bổ sung thêm trường hợp sáng chế được coi là có tính mới nếu như được bộc lộ trong đơn đăng ký sáng chế khác có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn nhưng được công bố vào hoặc sau ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế.

9. ĐIỀU KIỆN CHUNG VỚI NHÃN HIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ

Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc hoặc **dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa.**

[...]

Trước đây, điều kiện này không bao gồm các dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa.

10. DẤU HIỆU KHÔNG ĐƯỢC BẢO HỘ VỚI DANH NGHĨA NHÃN HIỆU

10.1 Dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã

So với trước đây, Luật đã bổ sung thêm dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm

hội chủ nghĩa Việt Nam và của các nước, quốc tế ca	lẫn với Quốc ca của Việt Nam và các nước khác, quốc tế ca.
10.2 Dấu hiệu là hình dạng vốn có của hàng hóa hoặc do đặc tính kỹ thuật của hàng hóa bắt buộc phải có;	Trước đây không quy định
10.3 Dấu hiệu chứa bản sao tác phẩm, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu tác phẩm đó.	Trước đây không quy định
<p>11. DẤU HIỆU KHÔNG ĐƯỢC BẢO HỘ VỚI DANH NGHĨA NHÃN HIỆU</p> <p>Nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là dấu hiệu thuộc một trong các trường hợp sau đây</p>	
11.1 Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn;	Bổ sung thời điểm "trước ngày nộp đơn" đối với trường hợp được loại trừ
11.2 Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ, tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào, hình dạng thông thường của hàng hóa hoặc một phần của hàng hóa, hình dạng thông thường của bao bì hoặc vật chứa hàng hóa đã được sử dụng thường xuyên và thừa nhận rộng rãi trước ngày nộp đơn;	Bổ sung thêm: <ul style="list-style-type: none"> Dấu hiệu là hình dạng thông thường của hàng hóa hoặc một phần của hàng hóa, hình dạng thông thường của bao bì hoặc vật chứa hàng hóa Thời điểm được sử dụng thường xuyên và thừa nhận rộng rãi là "trước ngày nộp đơn"
11.3 Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ hoặc dấu hiệu làm gia tăng giá trị đáng kể cho hàng hóa, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước ngày nộp đơn;	Bổ sung thêm: <ul style="list-style-type: none"> Dấu hiệu làm gia tăng giá trị đáng kể cho hàng hóa Thời điểm "trước ngày nộp đơn" đối với trường hợp loại trừ
11.4 Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này	Bổ sung thời điểm dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý phải được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu "trước ngày nộp đơn"

Luật còn sửa đổi, bổ sung thêm nhiều trường hợp khác nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt. Xem chi tiết tại khoản 22 Điều 1 của Luật.

12. ĐIỀU KIỆN CHUNG ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ ĐƯỢC BẢO HỘ

12.1 Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia tương ứng với chỉ dẫn địa lý;
- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

12.2 Chỉ dẫn địa lý đồng âm đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được bảo hộ nếu chỉ dẫn địa lý đó được sử dụng trên thực tế theo cách thức không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và bảo đảm nguyên tắc đối xử công bằng giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

So với quy định trước đây, hai điều kiện chỉ dẫn địa lý được bảo hộ vẫn được giữ nguyên.

Tuy nhiên, Luật đã bổ sung thêm quy định về chỉ dẫn địa lý đồng âm.

13. CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA VĂN BẰNG BẢO HỘ

Văn bằng bảo hộ bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

[...]

- Việc sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ bởi chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đó;
- Nhãn hiệu được bảo hộ trở thành tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ đăng ký cho chính nhãn hiệu đó;
- Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài không còn được bảo hộ tại nước xuất xứ.

[...]

Đây là các trường hợp được Luật bổ sung mới. Các trường hợp khác hầu như không có sự điều chỉnh.

14. HỦY BỎ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẰNG BẢO HỘ

14.1 Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu;
- Đơn đăng ký sáng chế được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế quy định tại Điều 89a của Luật này;
- Đơn đăng ký sáng chế đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen nhưng không bộc lộ hoặc bộc lộ không chính xác về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen có trong đơn đó

Các trường hợp hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ được quy định mới. Đây được hiểu là các trường hợp mặc định sẽ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực.

Trước đây, hai trường hợp được quy định bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực bao gồm:

- Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu;
- Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ.

14.2 Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu toàn bộ hoặc một phần văn bằng bảo hộ đó không đáp ứng quy định của Luật này về quyền đăng ký, điều kiện bảo hộ, sửa đổi, bổ sung đơn, bộc lộ sáng chế, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên trong các trường hợp sau đây:

- Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được người có quyền đăng ký chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu;
- Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này;
- Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn;
- Sáng chế không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó;
- Sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ vượt quá phạm vi

Quy định trước đây chỉ nêu hai trường hợp văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực như trên và trường hợp văn bản bị hủy bỏ một phần hiệu lực nếu phần đó không đáp ứng điều kiện bảo hộ.

Luật mới đã bổ sung thêm các trường hợp văn bằng có thể bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực gồm:

- Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn;
- Sáng chế không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó;
- Sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ vượt quá phạm vi bộc lộ trong bản mô tả ban đầu của đơn đăng ký sáng chế;
- Sáng chế không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên quy định tại Điều 90 của Luật này.

<p>bộc lộ trong bản mô tả ban đầu của đơn đăng ký sáng chế;</p> <p>- Sáng chế không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên quy định tại Điều 90 của Luật này.</p>	
<p>15. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP</p>	
<p>15.1 Tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp cần bảo hộ trong đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp gồm bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp và bản mô tả kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ.</p> <p>15.2 Bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp phải thể hiện đầy đủ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ đến mức căn cứ vào đó, người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực tương ứng có thể xác định được kiểu dáng công nghiệp đó.</p> <p>15.3 Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ phải liệt kê thứ tự các ảnh chụp, bản vẽ trong bộ ảnh chụp, bản vẽ và các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp.</p>	<p>Tương tự như trước đây, Luật cũng yêu cầu tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp cần bảo hộ trong đơn đăng ký gồm bộ ảnh chụp, bản vẽ và bản mô tả kiểu dáng.</p> <p>Tuy nhiên, Luật đã yêu cầu cụ thể với bộ ảnh chụp, bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các đặc điểm tạo đến mức người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực đó cũng có thể xác định được kiểu dáng công nghiệp đó (<i>trước đây chỉ quy định chung là phải thể hiện đầy đủ kiểu dáng của từng sản phẩm trong bộ sản phẩm đó</i>).</p> <p>Với bản mô tả kiểu dáng, Luật quy định bộ mô tả phải liệt kê thứ tự các ảnh chụp, bản vẽ trong bộ ảnh chụp, bản vẽ và các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp (<i>trước đây yêu cầu khắt khe về bản mô tả hơn, như: phải nêu được điểm mới, khác biệt so với kiểu dáng công nghiệp ít khác biệt nhất đã biết...</i>).</p>
<p>16. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU</p>	
<p>Mẫu nhãn hiệu phải được mô tả để làm rõ các yếu tố cấu thành của nhãn hiệu và ý nghĩa tổng thể của nhãn hiệu (nếu có); nếu nhãn hiệu có từ, ngữ thuộc ngôn ngữ tượng hình thì từ, ngữ đó phải được phiên âm; nếu nhãn hiệu có từ, ngữ bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải được dịch ra tiếng Việt; nếu nhãn hiệu là âm thanh thì mẫu nhãn hiệu phải là tệp âm thanh và bản thể hiện dưới dạng đồ họa của âm thanh đó.</p>	<p>So với quy định trước đây, Luật đã bổ sung trường hợp nhãn hiệu là âm thanh thì mẫu nhãn hiệu phải là tệp âm thanh và bản thể hiện dưới dạng đồ họa của âm thanh.</p>
<p>17. PHẢN ĐỐI ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</p>	
<p>- Trước ngày ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, trong</p>	<p>Trước đây không quy định</p>

các thời hạn sau đây, bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ:

- 09 tháng kể từ ngày đơn đăng ký sáng chế được công bố;
- 04 tháng kể từ ngày đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố;
- 05 tháng kể từ ngày đơn đăng ký nhãn hiệu được công bố;
- 03 tháng kể từ ngày đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố.

- Ý kiến phản đối phải được lập thành văn bản kèm theo tài liệu hoặc trích dẫn nguồn thông tin để chứng minh và phải nộp phí, lệ phí.

- Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm xử lý ý kiến phản đối theo trình tự, thủ tục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

Trên đây là bản phân tích Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Về hiệu lực của văn bản này, cần lưu ý như sau:

- Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.
- Riêng quy định về bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu âm thanh có hiệu lực từ 14/01/2022
- Quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực từ 14/01/2024.

NỘI DUNG CHI TIẾT VUI LÒNG XEM TOÀN VĂN CỦA VĂN BẢN

